

KINH PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG

Phật, tiếng Phạm là Phật-đà, Hán dịch là Giác, nghĩa là giác ngộ.
Giác có ba nghĩa:

1. Tự giác hơn phàm phu, phàm phu bị chìm đắm trong sinh tử không tạm thời giác.

2. Đức Phật có khả năng giác tha (giáo hóa chúng sinh) hơn cả hàng Nhị thừa Thanh văn, Duyên giác, không thể giáo hóa người khác.

3. Giác hạnh tròn đầy: Hơn các Bồ-tát. Vì Bồ-tát tuy thực hành tự lợi, lợi tha mà chưa tròn đầy cho đến quả vị Phật, ba giác vuông tròn, do miệng vàng của Phật nói. Cho nên gọi là kinh Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương, tức văn dưới đây Đức Phật do việc mà khuyên nhủ các đệ tử, thành bốn mươi hai chương. Kinh là tiếng Phạm, Hán dịch âm là Tu-đa-la, dịch nghĩa là kinh, kinh dạy về thường, nói thường kia là pháp chân thường không thay đổi.

Ngài Ca-diếp, Ma-đăng và Trúc-pháp-lan vâng chiếu dịch.

Hoàng đế Chân Tông đời Tống chú thích.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn sau khi thành đạo Ngài liền nghĩ rằng: Xa lìa ham muốn được vắng lặng là cao nhất nhất, an trú đại thiền định, hàng phục các ma đạo. Vì ái dục làm lớn thêm tham, si, thiền định phát sinh trí tuệ. Cho nên Đức Thế Tôn ban đầu nói lìa ham muốn là cao quý nhất. Thứ hai khuyên an trú thiền định mà hàng phục ma.

Nay xoay bánh xe chánh pháp cứu độ chúng sinh trong vườn Lộc Uyển, vì năm anh em Kiều-trần-như, mà xoay bánh xe pháp bốn diệu đế mà chứng đạo quả. Vườn Lộc Uyển là tịnh độ của người chứng đạo. Kiều-trần-như... là đệ tử nghe pháp. Bốn Đế là: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

Lúc đó, lại có các Tỳ-kheo nói ra những thắc mắc của mình cầu xin Phật dạy bảo. Đức Thế Tôn dạy cho mỗi vị đều khai ngộ, chấp tay cung kính thuận theo lời dạy bảo của Thế Tôn. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói cho nghe chân kinh bốn mươi hai chương. Tiếp vật độ sinh tùy theo căn cơ giảng nói giáo pháp. Mở bày nghi ngờ kia, chỉ bày khuyên răn. Theo thứ lớp xoay vần thành bốn mươi hai chương.

Phật dạy: Phạm ở đầu kinh nêu lên “Phật dạy”. Phật dạy: Điều là do khi kiết tập, các đệ tử A-nan theo thứ lớp lời Phật đã nói khi ngài còn sống cho nên nói “Phật dạy”. Từ già cha mẹ xuất gia hành đạo, thấu rõ

cội nguồn của tâm, thông hiểu pháp vô vi gọi là Sa-môn. Tiếng phạm Sa-môn, hợp lại nói Sa-ca môn. Trước đã lược bỏ hai chữ, Hán dịch là Cần tức, nghĩa là siêng tu các điều lành, siêng dứt các điều ác.

Lại nói: dứt ác là lấy từ nghĩa dừng ác. Vì từ giã cha mẹ ra khỏi nhà, dứt các điều ác, siêng làm các việc lành, đó là bậc Đạo nhân, nên gọi là Sa-môn.

Thường giữ hai trăm năm mươi giới, thực hành bốn đạo hạnh chân chánh, ý chí tiến lên thanh tịnh, thành A-la-hán. Hai trăm năm mươi giới là điều mục, chép đủ trong luật Tứ Phần của Tiểu thừa trong Đại tạng. Đây không nhọc phải nói bốn chân đạo hạnh, tức là biết Khổ, dứt Tập, chứng Diệt, tu Đạo là bốn đạo hạnh chân thật. Nếu giữ gìn chắc chắn thanh tịnh, ý chí tiến lên không lùi thì dần dần sẽ chứng quả Thánh.

Phật nói bậc A-la-hán có khả năng bay đi, biến hóa, tuổi thọ động đến trời đất. Tiếng Phạm là A-la-hán, Hán dịch Ứng. Ứng có ba nghĩa:

1. Nên dứt chướng phiền não.
2. Nên không còn thọ thân hậu hữu (thân đời sau).
3. Đáng hưởng sự cúng dường của trời, người.

Đã chứng quả Thánh này thì có khả năng dùng sáu thần thông bay đi tự tại. Lại, biến hóa hình thể phàm tục chẳng lường được. Trú thọ mạng là hoặc sống, hoặc mất, kéo dài rút ngắn tự tại. Nếu muốn an trú ở đời lâu dài thì trải qua nhiều kiếp không mất. Lại có thể dùng thần thông làm rung chuyển cả trời đất, vì diệu dụng khó lường.

Kế là bậc A-na-hàm, A-na-hàm khi qua đời linh hồn lên đến tầng trời thứ mười chín, ở đó chứng được A-la-hán. Tiếng Phạm A-na-hàm, Hán dịch là Bất hoàn, chứng được quả vị này dứt hết phân biệt cõi Dục, không sinh lại cõi Dục nữa. Cho nên báo thân này khi qua đời thì sinh lên cõi Sắc. Mười chín tầng trời, mười chín tầng trời gồm ba tầng trời Sơ thiên, ba tầng trời Nhị thiên, ba tầng của Tam thiên, chín tầng trời Tứ thiên. Trong mười chín tầng kia, dứt hết phiền não sẽ được quả A-la-hán. Kế là Tư-đà-hàm, bậc Tu-đà-hàm một lần sinh lên, một lần trở sanh thì chứng được quả A-la-hán.

Tiếng Phạm là Tư-đà-hàm, Hán dịch là nhất lai, chỉ còn một lần sinh lên cõi trời, một lần trở lại cõi người, thì chứng được quả A-la-hán.

Kế là Tu-đà-hoàn: Tu-đà-hoàn còn bảy lần chết, bảy lần sống thì chứng được quả A-la-hán. Tiếng Phạm Tu-đà-hoàn, Hán dịch là Dự lưu. Quả vị Dự lưu này dứt hết phiền não phân biệt trong ba cõi, mới dự vào dòng Thánh. Bảy lần sống, bảy lần chết là trong bảy lần sinh tử dứt hết

phiền não liền chứng được quả A-la-hán.

Đoạn ham muốn, ví như chặt đứt bốn chi không còn dùng được: Dứt hết ái dục, chứng được quả Thánh: ví như chặt đứt bốn chi kia, thì không còn tiếp nối dòng Thánh, dứt hết ái dục thì không còn sinh ra hoặc nữa.

Đức Phật dạy Sa-môn xuất gia: Dứt ham muốn, bỏ ái dục, hiểu nguồn tâm mình, thông suốt lý sâu sắc của Phật, ngộ pháp vô vi của Phật, trong không sở đắc, ngoài không mong cầu, lòng không cửu mang đạo, cũng không kiết nghiệp, không niệm không làm, không tu không chứng không trải qua các địa vị mà tự cao vọng gọi đó là đạo. Nếu dứt trừ được ham muốn thì tâm vốn tự sáng. Khéo thấu rõ lý sâu sắc thì pháp vốn vượt ngoài nẻo ngộ, hoặc trở về ngay Đạo không phải tìm cầu bên ngoài, vì thế không ràng buộc đạo mà là đạo, không buộc nghiệp mà nghiệp giải, niệm tác tu chứng, đâu còn làm gì.

Phật dạy: Người cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn, lãnh thọ giới pháp của Phật, xả bỏ tiền của ở đời, xin ăn vừa đủ, giữa ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, một đêm, cẩn thận chớ phạm: Cạo bỏ râu tóc vì muốn bỏ thân, chán tục, lìa khổ đói lạnh, khát thực qua ngày, cho nên biết giữa ngày ăn một bữa dưới gốc cây ngủ một đêm. Ham muốn không sinh thì có thể ngày càng tiến bộ đạo pháp kia vậy.

Khiến người ngu muội chính là ái và dục. Nếu không dứt “Ái dục” thì bị cảnh chuyển, đã bị cảnh chuyển thì thói quen ái, dục lại sinh, cho nên khiến chân trí bị che lấp không do đâu mà chứng giác.

Phật dạy: Chúng sinh, mượn các duyên mà thành nên gọi là chúng sinh. Lấy mười việc làm điều lành cũng lấy mười việc làm điều ác, mười việc ấy gồm: thân có ba, miệng có bốn, ý có ba.

Thân ba là: Giết hại, trộm cắp, tà hạnh.

Miệng bốn là: hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt.

Ý ba: tham, sân, si.

Người làm lành người là không giết hại, không trộm cắp, không tà hạnh, là ba việc lành của thân. Không nói bên này bên kia, không nói lời ác, không nói dối, không nói thêu dệt, là bốn điều lành của miệng. Không ghen ghét, không oán hận, không si mê, chính là ba điều lành của ý. Nếu trái với đây, thì đó là gièm pha, tạo thành chia rẽ nên gọi là hai lưỡi. Rửa tội, chê bai gọi là lời chưởi mắng, không thành thật gọi là nói dối, nịnh hót, luống dối gọi là thêu dệt. Ghen ghét người hiền, che đậy việc lành gọi là ghen ghét. Người kia ngậm hờn oán trách gọi là oán hận. Không lo sống chết, chỉ buông lung lòng ham muốn gọi là si.

Không tin ba ngôi báu, lấy tà làm chân.

Ba ngôi báu là Phật, Pháp, Tăng.

Ưu-bà-tắc thực hành năm việc không mệt mỏi lui sụt. Tiếng Phạm Ưu-bà-tắc, Hán dịch Thanh tín nam, năm việc tức là năm giới. Nói năm giới là không giết hại, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không uống rượu. Biếng nhác lui sụt là làm mà khi làm khi không, hoặc giữa chừng bỏ dở.

Cho đến mười việc chắc chắn đắc đạo: mười việc tức là mười điều lành nói trên. Đắc đạo nói là tinh tấn siêng năng không lui sụt mới chứng đạo.

Phật dạy: Có người gây ra nhiều lỗi lầm mà không tự sám hối, dứt bỏ tâm ấy thì tội trở về thân, như nước chảy về biển tự thành sâu rộng, làm sao tránh khỏi! Người ngu muội ngày càng gây nhiều tội lỗi, đã không sám hối tội ác chứa nhóm trong tâm đến nỗi nhiều việc tai họa đến thân. Như các dòng nước chảy ra biển, dồn chứa qua nhiều năm tháng tự thành sâu rộng. Có điều ác biết là lỗi, sửa đổi lỗi lầm thành đều thiện, tội ngày càng tiêu diệt, sau sẽ đắc đạo. Người lành tự biết lỗi lầm, có thể sửa đổi lỗi lầm kia, điều lành ngày càng chứa nhóm, điều ác của quá khứ dần tiêu diệt, thì sau đó sẽ được rõ đạo.

Phật dạy: Người ngu vì mình làm việc bất thiện, ta sẽ dùng bốn việc Từ bi bình đẳng cứu giúp. Bốn việc Từ bi bình đẳng là Từ, Bi, Hỷ, Xả đó là bốn Tâm vô lượng để cứu giúp người ngu.

Lại đem điều ác đến, người ngu không biết ân, lại dùng ác ý để xâm hại nhau. Ta lại lần đem việc lành đến, ta cũng lại dùng tâm lành để răn đe, trạng thái của phước đức thường ở đây, trạng thái tai ương lại ở chỗ kia, ta thường dùng đức báo oán, cho nên trạng thái của phước đức thường ở trong ta. Người kia chỉ đem điều ác làm nhục người tốt cho nên tai ương nặng nề kia tự lãnh chịu. Có người ngu nghe Phật có tâm đại nhân từ rộng lớn, đem việc ác đến, lấy việc lành đi, cho nên đến mắng Phật, Phật im lặng không trả lời, thương xót người ngu si mê mờ nên làm như thế. Người ngu nghe Phật có tâm nhân từ rộng lớn, bèn dùng lời ác mắng Phật. Phật im lặng không trả lời, tiếc cho người kia ngu si đến nỗi như vậy. Hết mắng là người ngu ngừng mắng nhĩc.

Hỏi rằng: Ông. Phật bèn hỏi là ông, ông là tên chung chỉ người nam tử. Đem lễ vật cho người, người kia không nhận thì lý như thế nào? Đây là lời Phật hỏi người kia.

Đáp rằng: Đem về, đây là người ngu trả lời. Nay ông mắng ta, ta cũng không nhận thì ông tự đem về, rước họa về thân ông vậy, người ác

thôi mắng, Phật hỏi rằng như ông đem lễ vật cho người, kia nếu không nhận, lễ vật của ông cho người kia sẽ như thế nào? Người ngu nói rằng tôi tự mang về.

Phật lại bảo rằng nay người mắng ta, ta cũng không nhận thì ông tự mang về họa vào thân ông vậy. Giống như bóng theo hình, vang theo tiếng, không bao giờ tránh khỏi, cẩn thận cho làm điều ác.

Phật dạy: người ác làm hại người hiền giống như ngựa mặt lên trời mà phun nước bọt, nước bọt không nhớp trời mà trở lại nhớp thân mình, ngược gió quét bụi, bụi không dính người kia, trở lại dính thân mình. Người hiền không thể hủy báng, tai họa sẽ diệt mình. Người gian ác làm hại người hiền, giống như oán trời, ngựa mặt nhổ nước bọt chỉ nhớp thân mình, ngược gió quét bụi chỉ dính thân mình. Kia hại người hiền, tai họa cuối cùng diệt mình.

Phật dạy: Người hành đạo mục đích là bác ái là rộng hành thương người, rộng thương xót bố thí, thấy người kia bị nguy ách, thì thương xót mà cứu giúp. Đức chẳng gì lớn hơn thí, ý nói đức bố thí rất lớn. Giữ chí hành đạo phước ấy rất lớn. Người học đạo đã có thể thương người, bố thí, lại thêm tinh tấn thì phước kia càng lớn. Thấy người bố thí mà vui mừng giúp đỡ cũng được phước báo, thấy kia thực hành bố thí giữ đạo mà có thể vì họ vui mừng khen ngợi, thì cũng được phước báo.

Hỏi rằng: Phước kia sẽ không giảm ư?

Phật dạy: Giống như lửa của một bó đuốc, mấy trăm ngàn người, mỗi người đem đuốc của mình đến lấy lửa kia đi nấu thức ăn, xua tan sự tối tăm nhưng lửa kia vẫn như cũ, phước cũng như vậy. Người hỏi nghi ngờ sự chất vấn kia. Nói vui mừng giúp đỡ cũng được phước. Nghi rằng giảm phước báo thương xót bố thí.

Phật bèn trả lời: Như lửa của một bó đuốc, có mấy trăm ngàn người, mỗi người cầm đuốc đến xin lửa, hoặc nấu thức ăn, hoặc soi sáng chỗ tối tăm mà bó đuốc vẫn như cũ, không bị giảm đi, phước báo bố thí cũng giống như vậy.

Phật dạy rằng: cho một trăm người phạm phu ăn, không bằng cho một người lành ăn, cho một ngàn người lành ăn không bằng cho một người giữ năm giới ăn, cho một muôn người (10000) giữ năm giới ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn ăn, cúng dường cho một trăm muôn vị Tu-đà-hoàn ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tư-đà-hàm ăn, cúng dường cho một ngàn muôn vị Tư-đà-hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm ăn, cúng dường cho một vị ức vị A-na-hàm ăn không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán ăn,

cúng dường cho mười ức vị A-la-hán ăn không bằng cúng dường cho một vị Bích-chi-phật ăn, cúng dường cho một trăm ức vị Bích-chi-phật ăn không bằng cúng dường cho một người học Phật, nguyện cầu thành Phật, muốn cứu độ chúng sinh. So sánh mười hạng người này, phước đức có lớn nhỏ, nghiệp chướng có sâu cạn, cho nên cúng thí phước báo không giống nhau. Lại, tiếng Phạm là Bích-chi-phật-đà, Hán dịch là Độc giác, cho nên cúng dường trăm ức vị Độc giác không bằng cúng dường một Đức Phật. Vì sao? Vì Đức Phật rộng lòng từ rộng lớn, khắp cứu chúng sinh, phước kia sâu rộng không thể nghĩ bàn, mà phước báo cúng dường Đức Phật cũng là lớn nhất.

Cúng dường người lành phước báo sâu nặng nhất, ở đây nói cúng dường người lành ở đời phước cũng sâu nặng.

Phàm người thờ trời đất, quỷ thần không bằng hiếu thuận với cha mẹ mình, cha mẹ là vị thần trên hết: Nhưng trong người lành có hai loại: Hoặc người thờ trời đất quỷ thần, hoặc người hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ, so sánh phước báo thì không bằng thờ phụng cha mẹ.

Phật dạy người ta có hai mươi điều khó:

1. *Nghèo hèn bố thí là khó:* người nghèo thiếu bị đói rét ép ngặt mà có thể bớt phần mình để cứu người, đây cũng là khó.

2. *Giàu sang học đạo là khó:* giàu sang thường buông lung không có các khổ não mà có thể nhàm chán sự trói buộc kia, hạ mình cầu đạo cho nên là khó.

3. *Bỏ thân mạng quyết chết là khó:* Nếu người đời thông suốt nhân quả quyết chí bỏ mạng, hoặc bỏ thân mạng nuôi chim đại bàng dữ kia, cứu cá rồng kia, cho đến liệt sĩ trung thần, đem cái chết đổi lấy điều nghĩa, đây đều là khó. Phật dạy hai mươi điều khó và nói cảnh giới phàm phu không luận bàn về lý bất sinh bất diệt, nghĩa ấy rõ ràng. Lại y theo ngữ âm Tây nhưng nam man, gọi chữ “tất” là “bất”.

4. *Thấy được kinh Phật là khó:* người không có lòng tin rất lo lắng việc sống chết, thì lời dạy xuất thế đâu được thấy nghe.

5. *Sinh nhằm đời có Phật là khó:* nếu người không kiết nhân tốt, không tu các điều lành, thì chư Phật ra đời làm sao gặp được! Thật biết là khó.

6. *Nhẫn sắc, liả dục là khó:* trong sáu trần, phần nhiều bị tình dục mê hoặc nếu hàng phục được vọng niệm, đề phòng sự buông lung kia thì rất là khó.

7. *Thấy tốt không ham cầu là khó:* vật tốt của kia, đây lại mong cầu, thì để lại tiếng tham với lấy tai họa oán hận, cho nên không mong

câu là khó.

8. *Có thể lực không ý là khó*: người có thể lực lợi lộc, oai thế phước đức, mà có thể chỉ theo đạo, không chạy theo đua nịnh cũng là khó.

9. *Bị nhục không tức giận là khó*: không chịu được với tức giận nhỏ, thì tranh chấp với nhau, chẳng tương can với lý, có thể dùng tình cảm tha thứ cũng là khó.

10. *Gặp việc vô tâm là khó*: tâm cầu thanh tịnh gặp cảnh liên sinh, nếu gặp việc, mà không chạy theo vật tình, đây là việc khó.

11. *Học rộng nghiên cứu nhiều là khó*: lười biếng thì rơi vào vô minh, nghe nhiều có lợi ích, nếu nghiên cứu rộng về lý để giúp thêm trí tuệ thì đây là điều khó.

12. *Không coi thường người chưa học là khó*: các chúng sinh cùng một chân tánh, có khả năng thay đổi thường tình thế tục, cho nên không khinh người chưa học là khó.

13. *Dứt bỏ ngã mạn là khó*: ngu mê mờ tối, ngã mạn kia sinh, trái với điều thiện cũng tranh giành, thấy đều do đây, nếu trừ bỏ được là khó.

14. *Gặp được Thiện tri thức là khó*: cảm vật sinh tình, lý do đây mà thói quen đấm nhiễm tánh thiện ác, do vậy mà đời đời, cho nên điều lành, cũng là khó.

14. *Thấy tánh học đạo là khó*: tánh vốn vắng lặng, mê theo vọng tình, đạo vốn chân thường, mê mờ ái dục, nếu trở lại thấy tánh, trái với tà nguy mà học đạo là khó.

15. *Thấy cảnh không động tâm là khó*: Trần cảnh trước mặt là vọng, làm mê hoặc chân tánh, cho nên ngộ được sự lý mà soi chiếu vắng lặng, gặp cảnh mà không động tâm là khó.

16. *Khéo biết phương tiện là khó*: thường có tâm Từ bi rộng lớn, thương xót chúng sinh, dùng mọi cách làm lợi ích cho họ là khó.

17. *Tùy duyên hóa độ người là khó*: tánh chúng sinh cũng có lành lợi, chậm lụt nếu với căn tánh cao thấp tùy duyên mà hóa độ cũng là khó.

18. *Thực hành tâm bình đẳng là khó*: loại si mê, ngu tối, hợp với cảnh trần, trái với chân như, nếu xem oán thân ta, người đều bình đẳng, đây là khó.

19. *Chẳng nói việc phải, trái là khó*: nói hai lưỡi, nói dối là điều Đức Phật ngăn cấm. Chúng sinh vì vô minh mà có khác nhau, nếu xem là bình đẳng không chấp phải quấy là điều khó.

20. *Có vị Sa-môn hỏi Phật nhờ duyên gì đắc đạo, làm sao biết*

được sự sống ở đời trước?

Phật dạy: “Đạo không hình tướng, tánh của chân như giống như hư không, ý nói không hình tướng”. Biết mà không có lợi ích, biết mà không học đồng với không biết, phải nhờ tu chứng mới được đắc đạo. Phải nên giữ chí thực hành, thí như chùi gương sạch bụi gương sáng liền tự thấy hình, nếu chẳng dứt sự ham muốn mà chấp không, thì làm sao thấy được đạo chân. Biết mạng sống đời trước, người muốn biết sự sống ở đời trước, nên phải giữ chí thực hành thanh tịnh, thường ở trong định vắng lặng lâu ngày thì các trần lao nghiệp chướng tiêu hết, lần lần rõ được sự sống ở đời trước, như lau gương sạch bụi mới thấy mình. Nếu không dứt sự ham muốn mà chấp “không” thì làm sao chứng được đạo chân!

Phật dạy: Vì sao? Vì thiện chỉ có thực hành đạo thiện, Phật dạy vì sao, vì đều dẫn nghĩa được lập chỉ tinh tấn hành đạo, lần lần chứng Thánh rất là tốt. Vì sao chí nguyện lớn nhất hợp với đại đạo? Dứt các phan duyên, được trí vô lậu, chí đạo thâm hợp rất vắng lặng. Vì sao? Vì người nhiều năng lực nhẫn nhục, là người mạnh nhất, người nhẫn không có điều ác, chắc chắn được người tôn kính, người nhẫn nhục không có tâm thù oán, như người có sức mạnh kia, có khả năng chống lại kẻ địch, trong không có tâm ác, cuối cùng được người tôn kính. Vì sao? Vì người tâm sáng suốt trừ diệt hết nhơ bẩn xấu ác, trong thanh tịnh không dấu vết, như ngọc trắng không có lẫn nứt, trời xanh không có mây, là sáng nhất của tâm. Từ khi chưa có trời đất đến hôm nay, nói cho cùng đó là quá xa. Những điều trong mười phương đều thấy được, đều biết, đều nghe, được Nhất thiết trí đáng gọi là sáng, đây là đã chứng được quả vị, được Nhất thiết chủng trí trong ba đời biết hết tất cả.

Phật dạy: Người có tâm ái dục không thấy đạo, thí như bỏ năm màu vào trong nước đục. Nước đục ví như tâm bị nhiễm, năm điều ham muốn dụ như năm màu, tâm ham muốn hợp nhau xen lẫn trong đó. Ra sức giữ lại, năm màu và nước đục đã không thể phân rõ, nhưng ra sức giữ lại, dụ như vọng tưởng tham ái phát loạn trong năm dục kia.

Mọi người cùng đứng trên mặt nước mà không thấy được bóng mình, ái dục xen nhau trong tâm thành vẫn đục, cho nên không thấy đạo, nếu người từ từ biết sám hối lỗi lầm, gần các tri thức, nước lắng hết nhơ, trong sạch không nhớp, liền tự thấy bóng. Trên nước đục, tuy mọi người đứng trên đó nhưng không thể thấy bóng, ái dục xen nhau mê loạn chân tâm làm sao rõ đạo? Nếu loại bỏ hết nhơ nhớp, tâm trở lại thanh tịnh, thì tự nhiên thấy đạo.

Lửa mạnh dưới nồi, nước trong đó nhảy lên bèn phủ vải lên, chúng sinh soi bóng cũng không thấy hình, trong tâm người vốn có ba độc lẫn lộn bên trong, năm cái che bên ngoài, thì không bao giờ thấy đạo. Chữ “nồi” dụ cho tâm nhiễm, nước lên xuống dụ như trong tâm nhiễm ba độc tham, sân, si phiền não sôi nổi, bèn phủ vải lên dụ cho phạm phu bị năm cái che lấp không bao giờ thấy được đạo. Năm cái là:

1. Ham muốn.
2. Tức giận.
3. Si mê.
4. Trạo cử làm ác.
5. Ngủ nghỉ mê muội, đều bị che đậy.

Dứt hết tâm xấu mới biết linh hồn từ chỗ nào đến, chết sẽ đi về đâu, các cõi của các Đức Phật chỉ có đạo đức mà thôi, siêng năng bền chí dần dần chứng quả, ở trong thiền định mới biết linh hồn từ đâu đến, báo thân vô thường hết, sinh về các cõi, chỉ có đạo đức mà thôi.

Phật dạy: Người hành đạo thí như cầm đuốc vào căn nhà tối tăm. Sự tối tăm kia liền biến mất, chỉ còn ánh sáng. Học đạo thấy chân lý, ngu si đều diệt, đều được sáng tỏ? Đã thấy đạo, ngu si tự diệt, dần dần chứng trí Phật, đức đều sáng tỏ? Thí như cầm đèn đi vào căn nhà tối, bóng tối liền biến mất, chỉ còn lại ánh sáng.

Phật dạy: Ta nhớ nghĩ gì để niệm đạo? Phật chỉ dạy đệ tử: Ta thường nhớ nghĩ đạo thì không còn tạp niệm. Ta làm gì để hành đạo? Đó là ứng vật lợi sinh, thường thực hành đạo. Ta nhớ nghĩ đạo lý chân chính, chốc lát không quên y. Niệm Thánh đạo chân đế chưa từng quên trong chốc lát. Phật dạy thấy trời đất nhớ nghĩ vô thường, thấy hình thể muôn vật mạnh mẽ dồi dào nhớ nghĩ vô thường, giữ tâm như thế thì mau đắc đạo. Thấy trời đất, thấy núi sông và hình thể muôn vật, mặc dù đầy đủ nhưng ngay niệm điều là hữu vi sinh diệt, cuối cùng trở về vô thường. Nếu người tu hành thường khởi niệm, như thế thì liền chứng quả Thánh, chắc chắn rất nhanh. Phật dạy một ngày thực hành, nghĩa là suốt một ngày niệm niệm tu hành. Thường nhớ đạo, hành đạo, thì được tín căn, phước kia vô lượng. Nếu người trong một ngày mà có thể tu tập, thường niệm đạo, nhớ nghĩ không quên, hoặc trong một ngày mà thường hành đạo tu tập không biếng nhác, mới có thể thành tựu tín, tấn, niệm, định, tuệ được vô lượng phước. Một ngày còn như vậy huống chi là nhiều ngày, phước kia càng nhiều. Phật dạy: Ai tự nhớ nghĩ bốn đại trong thân mỗi đại tự có tên, đều là không có ta, ta sống nhờ cũng không lâu, việc kia như huyễn. Thân của hữu tình đều do bốn đại nương nhau

mà thành hình, vẫn là hư danh không thật, hơn nữa đất, nước, gió, lửa gọi là bốn đại, nói tóm lại tức là xương, thịt, lông, tóc là đất (tân dịch: tất cả dịch thể trong cơ thể, thường chỉ nước bọt), tinh huyết là nước, hơi ấm là lửa, tay chân trăm mạch lay động là gió, mỗi thứ đều là giả danh thành thân huyền này. Nếu nghĩ kỹ thì làm gì có (ngã), sống nhờ phũ thế? Phút chốc diệt đi đều như huyền mộng.

Phật dạy: Con người chạy theo tình dục, mong cầu hư danh, thì như đốt hương mọi người đều ngửi thấy, nhưng hương để xông, người ngu tự đốt, người tham danh dự của thói đời, không giữ đạo chân thật, hư danh là tai họa làm nguy đến mình, người ấy về sau hối hận. Người ở đời chỉ buông lung ham muốn, chỉ cầu hư danh, không lo sinh tử, mờ mịt đạo chân thật. Thí nhưng hương thượng diệu bị người đốt cháy, tuy xa gần đều ngửi được nhưng hình chất kia mau hết, cũng giống người ngu luống thích hư danh mà mất chân đạo và họa nguy hại đến mình, về sau hối hận.

Phật dạy: Người đối với tài sắc thí như trẻ con ham mật ngọt dính trên dao, không đủ một miếng ngon, nhưng có cái lo đứt lưỡi, hễ ưa đắm tài sắc khoái ý một lúc và ác đồn chứa, tai họa xảy đến, chìm đắm trong sáu đường cũng như trẻ con thích đường dính trên dao. Vị ngọt kia rất ít nhưng tai họa là đứt lưỡi.

Phật dạy: Người bị ràng buộc bởi vợ con còn hơn bị xiềng xích trong lao ngục, xiềng xích trong lao ngục còn có ngày được thả ra, cái khổ của lao ngục, có thể được miễn xá, ham muốn vợ con tuy có tai họa miệng cọp, nhưng vẫn cam tâm lao vào, tội ấy không được miễn xá, người đời bị vợ con ràng buộc, nhà cửa vấn vương trong lòng, họa hoạn khó tránh khỏi, như ở trong lao ngục.

Phật dạy: Ái dục không gì hơn sắc, đối với sắc thì tham dục không gì lớn không nó. Các sự ham muốn trói buộc của thế gian khó giải thoát được không gì hơn sắc, cho nên biết tai họa của sắc dục kia không gì lớn bằng. May thay chỉ có một, nếu có cái thứ hai bằng với nó thì người trên khắp thế gian không thể nào hành đạo: Sinh tử chương ngại Niết-bàn này chỉ có một thứ sắc dục, kinh Lăng-nghiêm cũng nói: tâm dâm không trừ thì không thể ra khỏi trần lao.

Phật dạy: Ái dục đối với người giống cầm đuốc mà đi ngược gió, người ngu không bỏ cây đuốc thì chắc chắn sẽ bị họa cháy tay, độc của tham, dâm, nhuế, nộ, ngu si ở nơi thân người không sớm đem đạo lý để dứt trừ nó thì chắc chắn có tai ương, giống như người ngu tham cầm cây đuốc kia tự cháy tay vậy. Ở thế gian có độc tham, dâm, nhuế,

nộ, ngu si, ở trong tâm người, nếu là người có trí thì phải sớm dùng đạo để tiêu trừ thì mới tránh khỏi họa của tai ương, giống như người ngu không sớm bỏ cây đuốc ngược gió, thì chắc chắn tự đốt tay mình. Bây giờ, có thiên thần dâng ngọc nữ cho Phật, muốn thử ý Phật quán Phật đạo. Thiên thần là vị thần đứng đầu cõi trời, ngọc nữ là Thiên nữ, vì trời muốn thử ý Phật xem đạo của Phật như thế nào?

Phật dạy: Đây da đựng các thứ như nhớp đến đây làm gì? Chỉ mê hoặc được người thế tục chứ khó lay chuyển được người đã chứng được sáu thần thông, hãy đi đi. Ta không dùng người, Thiên thần càng kính Phật. Như túi da đựng các thứ như nhớp, khó mê hoặc Phật đã chứng được sáu thần thông, sáu thần thông gồm:

1. Thần cảnh thông.
2. Thiên nhãn thông.
3. Thiên nhĩ thông.
4. Tha tâm thông.
5. Túc trú thông.
6. Lậu tận thông.

Do đó hỏi về ý đạo, Phật liền giải thích cho nghe, liền được quả Tu-đà-hoàn, trời đã biết đối với người đã chứng thần thông thì không thể làm hoặc loạn. Do đó hỏi ý đạo, Phật nói cho nghe chứng được quả đầu tiên.

Phật dạy: người hành đạo giống như khúc gỗ trôi trên mặt nước, cứ trôi thẳng theo dòng nước, không rẽ về bên trái cũng không rẽ sang bên phải, không bị người lấy, không bị quỷ thần ngăn chặn, không bị dòng nước chảy xoáy làm đứng lại, cũng không mục nát, ta bảo đảm là khúc gỗ sẽ trôi ra tận biển. Gỗ dụ như người, biển dụ như đạo.

Người hành đạo không bị tình dục mê hoặc, người tu hành giữ gìn giới hạnh không bị tình dục mê hoặc, như khúc gỗ trôi trên mặt nước không tấp vào hai bên bờ, không bị các tà kiến lừa dối, người có chánh kiến giữ gìn phẩm hạnh, không bị các điều tà vạy mê hoặc lừa dối, như khúc gỗ trôi theo dòng nước không bị người, quỷ nhặt lấy.

Tinh tấn không nghi ngờ, ta bảo đảm người ấy được đạo, gỗ không bị các vật ngăn lại, thì sẽ trôi ra tận biển, như người siêng năng tránh các mê hoặc thì chắc chắn được đạo.

Phật bảo Sa-môn: Hãy cẩn thận, đừng tin ý ông, ý ông không bao giờ đáng tin, là nói nên cẩn thận giữ gìn tâm cho chánh, chớ tin theo ý xấu, nếu tin tà ý liền bị phiền não mê hoặc dẫn dắt. Cẩn thận không đối diện sắc đẹp, đối diện với sắc đẹp liền sinh tai họa: chỉ nêu sắc, vì sắc

sẽ mê hoặc người vào trong biển khổ sinh tử, vì gốc họa rất lớn. Được quả A-la-hán mới tin được ý ông. A-la-hán dứt hết phiền não, bấy giờ tin ý kia chắc chắn không rơi vào tà kiến. Phật bảo các Sa-môn: cẩn thận không nhìn ngó người nữ, nếu thấy thì không nhìn mặt, cẩn thận không nói chuyện với họ. Ai nhìn người nữ sẽ sinh tâm ham muốn, nếu phải thấy thì tưởng như không thấy, vẫn phải răn dè, chớ nói chuyện với họ. Nếu phải nói chuyện với họ thì nên giữ tâm chánh hạnh, nếu không giữ mình, vì các duyên sự cần phải nói chuyện, thì im lặng tự răn mình như văn dưới đây:

Ta là Sa-môn ở trong cõi đời vẫn đục nên như hoa sen không bị bùn làm nhơ bẩn, nếu muốn nói điều gì thì trước chánh tâm mình, tự răn rằng: Ta giữ tịnh giới ở cõi đời vẫn đục này, nên như hoa sen tuy ở trong bùn, mà không bị bùn làm nhơ bẩn. Người già coi là mẹ, người lớn coi là chị, người nhỏ coi là em gái, trẻ con ta nên lễ kính. Hễ thấy người nữ nên quán tưởng như thế, phải tiếp đãi họ bằng lễ.

Ý phải suy nghĩ kỹ: Để là xét, là suy nghĩ, ý nói nên suy nghĩ. Quán từ đầu đến chân tự thấy bên trong, ý nói tình dục mạnh mẽ dùng quán tưởng trước mà không thể dứt được, thì tưởng chính mình từ đầu đến chân, thu lại quán bên trong. Thân kia đâu thật có, chỉ dựng các thứ nước dơ, các thứ bất tịnh, đã nội quán thì nên tưởng trong thân đầy đầy các thứ bất tịnh nhơ bẩn tiết ra không ngừng, thì tà ý sẽ dứt, thân kia tự là thân này.

Phật dạy: Người hành đạo, bỏ tình dục, nên như cỏ thấy lửa lớn đến đốt cháy đạo nhân thấy ái dục phải tránh xa. Đức Phật răn nhắc người tu đạo xả bỏ tình dục, nên như cỏ khô bị lửa đốt cháy, ý nói mau tránh xa.

Phật dạy: Có người sợ ý dâm không dứt nên dùng dao để tự đoạn âm. Phật nói: Nếu đoạn âm không bằng dứt tâm, tâm là công tào, nếu dùng công tào thì các thứ đều dứt theo. Công tào là tên gọi người đứng đầu, chữ theo nghĩa là người theo công tào, người ở địa vị trên nghiêm với người dưới, thì các người theo tự nhiên lo sợ, tâm dụ cho công tào, tình dục dụ cho người theo, nếu tự làm thanh tịnh tâm mình thì dục tình đâu sinh được vậy? Tâm xấu không dứt, đoạn âm lợi ích gì? Khoảnh khắc liền chết, Phật dạy người đời thấy điên đảo như người ngu này. Có cô gái có tâm dâm hẹn với người nam, tới giờ hẹn mà không đến, tự hối hận nói rằng: Ta biết dục như thế, ý này từ tư tưởng sinh, ta không nghĩ tưởng, như thế là như thế mà bất sinh. Đức Phật đi đường nghe vậy, bảo các Sa-môn ghi nhớ bài kệ của Phật Ca-diếp để truyền bá trong nhân

gian: Các Phật quá khứ biết tội nghiệp của chúng sinh đều từ vọng tưởng sinh khởi, nếu vọng tưởng dứt thì không các điều ác, cho nên Phật Ca-diếp làm bài kệ này lưu truyền cho đời sau, và Phật Thích-ca nhân khi đi đường nghe được. Người nữ này tự hối hận mà nói cho nên Phật dạy các Sa-môn ghi lại bài kệ đó. Phật dạy người từ ái dục sinh lo buồn, từ lo buồn sinh sợ hãi, không ái thì không lo buồn, không lo buồn thì không sợ hãi. Vì cảnh trước dắt dẫn mới sinh ái dục. Đã vì ham muốn cảm dỗ, thì lo buồn sợ hãi từ đó sinh ra, nếu không ham muốn thì lo buồn sợ hãi từ đâu mà có được!

Phật dạy: Người hành đạo thí như một người chiến đấu với muôn người, rất là mạnh mẽ. Dụ như người tu đạo phát ý chí tinh tấn quả quyết.

Mặc giáp dẫn binh ra cửa sắp đánh, nhát gan thế là trở lui, hoặc nửa đường trở lại, hoặc đánh nhau đến chết. Nhát gan đi lui và đến nửa đường mà trở lại, đều dụ cho người tu hành nửa đường lui sụt. Đánh nhau đến chết, thí như người học đạo không có chí cương quyết đến chết bởi các ma. Hoặc được chiến thắng trở về, các binh tướng hoặc lập công trạng đặc biệt mà thăng chức, tước vị thường cao hơn mọi người.

Người giữ vững tâm mình, mạnh mẽ tiến hành không bị mê hoặc bởi dòng đời ngu muội, ý nói dứt hết xấu xa chắc chắn đắc đạo. Mặc giáp tinh tấn, cầm gươm trí tuệ, giữ gìn giới hạnh, ma chướng diệt hết, chứng trí vô lậu, mới được đắc đạo.

Có vị Sa-môn ban đêm tụng kinh, tiếng tụng nghe buồn thảm, hối hận muốn bỏ đạo. Phật gọi Sa-môn lại hỏi: Khi Thầy còn tại gia làm nghề gì?

Thưa rằng thường khảm đàn cầm.

Phật hỏi: Dây đàn chùng thì thế nào?

Đáp: Không kêu.

Dây căng thì như thế nào?

Thưa: Dứt tiếng.

Dây đàn vừa chùng thì tiếng đàn thế nào?

Thưa: Âm thanh nghe vừa tai.

Phật bảo: Sa-môn học đạo cũng thế, giữ tâm điều hòa thì sẽ được đạo: Phật nghe tiếng tụng kinh buồn bã muốn dùng lời chỉ dạy, bèn hỏi khi còn ở tại gia thầy làm nghề gì, Sa-môn đáp là gảy đàn. Vì vậy Đức Phật do dây đàn căng hay chùng mà ví dụ. Người tu hành chắc chắn không để cho vọng niệm phát sinh, thân tâm vắng lặng tự nhiên điều hòa thích hợp thì sẽ chứng được đạo quả.

Phật dạy: Người hành đạo giống như rèn sắt, đồ rỉ là cặn lắng trong sắt. Thành đồ dùng chắc chắn tốt, học đạo từ từ bỏ bớt tâm cấu bản, tinh tấn hành đạo khác thường thì thân mệt mỗi, thân mệt mỗi thì tâm phiền não, tâm phiền não thì hạnh lui sụt, hạnh lui sụt tức là tội của người tu hành. Khác thường nghĩa là không thể bỏ tâm cấu bản, siêng năng hành đạo, làm cho thân tâm mệt mỗi thì phiền não, phiền não thì giới hạnh lui sụt, giới hạnh lui sụt thì trở thành tội lỗi.

Phật dạy: Người hành đạo cũng khổ, không hành đạo cũng khổ, nhưng người từ sinh ra đến già, từ già đến bệnh, từ bệnh đến chết, khổ ấy vô lượng, tâm phiền não chứa nhóm tội lỗi, sinh tử không dứt khổ kia khó nói. Người cầu đạo không sợ các khổ, tìm thầy học đạo không nề hà nóng lạnh, không sợ mệt nhọc, ngày đêm không nằm, tu tập thiền định, hoặc bỏ thân mạng cứu giúp tất cả khổ. Người học đạo tuy bị khổ này, nhưng sau khi chứng quả thì ra khỏi ba cõi, thanh thản tự tại. Nếu người trên đời chỉ buông lung với ba thứ độc, không nghĩ đến dứt bỏ, luân hồi trong sáu đường không có dừng nghỉ. Sinh, già, bệnh, chết thường trôi buộc, báo ứng tội nghiệp khổ ấy vô lượng.

Phật dạy: Người lìa ba đường ác, được làm người là khó. Ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Cho nên nói tránh ba đường ác này mà được thân người thì biết là khó. Đã được thân người bỏ nữ thành nam là khó, nghiệp của người nữ trong kinh có nói, được chuyển thân nam là điều khó. Đã được thân nam đầy đủ sáu căn là khó: đã được thân nam đầy đủ sáu căn, rồi tránh khỏi các bệnh tàn phế, cũng là điều khó. Sáu căn đã đủ sinh ra ở nơi có chánh pháp lưu hành là rất khó, chỗ biên địa nhiều thứ chướng nạn, sinh ở trung tâm nước thật là khó. Đã ở chỗ có Phật phải lưu hành mà thờ phụng Phật đạo là khó, người được sinh ở nơi có Phật pháp lưu hành mà được thờ đạo siêng tu là rất ít. Đã tôn thờ Phật đạo gặp vua có đạo là rất khó, đã siêng tu hành thờ đạo mà gặp minh chủ thì tự tại, tinh tấn, không gặp các chướng nạn, cho nên là khó. Đã gặp vua hiểu đạo, sinh trong nhà Bồ-tát là khó, đã sinh trong nhà Bồ-tát mà có tâm kính tin Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng) gặp Phật ra đời là khó. Được sinh trong nhà chánh kiến lại có tín tâm gặp Phật ra đời là khó.

Phật hỏi một vị Sa-môn: Mạng người trong bao lâu?

Thưa: Khoảng vài ngày.

Phật dạy: Thầy chưa hiểu đạo.

Lại hỏi một vị Sa-môn khác: Mạng người trong bao lâu?

Thưa: Khoảng bữa ăn.

Thầy chưa hiểu đạo.

Lại hỏi một vị Sa-môn khác nữa: Mạng người trong bao lâu?

Thưa: Trong hơi thở.

Phật dạy: hay lắm! Thầy đã hiểu đạo.

Ở đây, Đức Phật dạy người học đạo biết niệm niệm vô thường trong hơi thở, tự nhiên dứt các vọng tưởng, âm thầm tinh tấn, nếu nói mạng sống trong khoảng vài ngày, hoặc trong khoảng bữa ăn thì sự rộng rãi giới hạn thời gian, vọng tưởng theo đó sinh ra, liên quan đến lưỡi biếng đâu được thành đạo!

Phật dạy: Đệ tử ở cách xa ta mấy ngàn dặm, nhớ nghĩ đến giữ của ta thì chắc chắn đắc đạo: Phật khuyên các đệ tử nếu lo nghĩ đến sinh tử là việc lớn, giữ vững giới hạnh thì tuy cách xa thầy mấy ngàn dặm mà tâm kia vẫn như một, thì chắc chắn sẽ đắc đạo. Nếu ở bên ta mà tâm tà vạy thì không ba giờ đắc đạo, thực ra ở sự thực hành, tuy gần mà không thực hành thì muôn phần không có ích gì cả! Nếu người học đạo mặc dù ở cạnh bên thầy, mà tâm tà vạy thì chắc chắn không thành đạo. Vì sao? vì cốt yếu nghe mà thực hành nếu thường gần thầy mà không tu tập thì không ích gì trong muôn một!

Phật dạy: Người hành đạo giống như ăn mật, giữa bát hay ngoài vành bát đều ngọt, kinh của ta cũng giống như vậy, nghĩa lý đều giúp hành giả đắc đạo.

Phật dạy: kinh do ta nói, giống như vị mật, nếu người ăn mật thì giữa bát hay ngoài đều ngọt, không hề có hai vị, người mếm đạo, nếu ngộ được tôn chỉ sâu sắc của kinh thì thân tâm vui sướng, sẽ chứng được đạo.

Phật dạy: Người hành đạo nhổ được gốc ái dục, thí như xỏ các hạt chuỗi xỏ thành xâu, lấy từng hạt một thì sẽ có lúc hết, điều ác hết thì đắc đạo. Muốn ra khỏi khổ sinh tử được tự tại hoàn toàn thì quyết phải giữ gìn giới hạnh, dứt hết ái dục, như lấy hạt chuỗi xỏ thành xâu, lấy từng hạt một thì sẽ có lúc lấy hết. Nếu tâm không lưỡi biếng tức là hạt chuỗi chắc chắn phải hết, nếu người tu hành dứt bỏ các điều ác, chừa nhóm các điều lành lâu ngày không lui sụt dứt hết các điều ác mới được đắc đạo.

Phật dạy các Sa-môn: Hành đạo phải như trâu chở nặng đi trong bùn sâu, dù mệt mỏi cũng không dám nhìn ngó hai bên, chỉ muốn lìa bùn để được nghỉ ngơi. Sa-môn coi tình dục còn hơn bùn kia, một lòng nghĩ đến đạo mới thoát khỏi các khổ: Ý nói Sa-môn trực tâm hành đạo, muốn ra khỏi biển khổ sinh tử, thì phải niệm niệm tương ưng, chớ sinh

vọng tưởng, như trâu mang nặng ở trong bùn sâu mong thoát khỏi bùn lầy, để được nghỉ ngơi cũng niệm niệm lo sợ không dám nhìn ngó hai bên.

Phật dạy: Ta xem ngôi vị vua quan như bụi qua khe hở, xem vật báu vàng ngọc như ngôi gạch, xem trang phục tơ mịn như lụa cũ, xem đại thiên thế giới như trái ha tử, xem nước bốn biển như dầu xoa chân, xem phương tiện như chiếc bè báu, xem vô thượng thừa như vàng lụa trong mộng, xem cầu Phật đạo như hoa đốm trước mắt, xem cầu thiên định như trụ Tu-di, xem cầu Niết-bàn như ngày đêm đều thức, xem người điên đảo chánh kiến như sáu con rồng múa, xem bình đẳng như nhất chân địa, nhìn sự hưng thịnh biến đổi như cỏ cây bốn mùa. Đến đạo viên thông của bậc Thánh có mặt khắp mọi nơi. Đâu phải sự chắc thực ở đời mà có phân biệt ư! Có ích đem từ bi lớn ấy làm lợi ích chúng sinh theo căn cơ mà giác ngộ chúng sanh. Nói địa vị cao của vua quan không đáng cậy, của báu vàng lụa không đáng tham, ví dụ như bụi bặm ngôi gạch để chế ngự tâm ham muốn.

Lại dùng pháp môn phương tiện, Phật đạo thừa vô thượng, tên gọi thiên định, các loại Niết-bàn bình đẳng, có thể noi theo mà không chỗ vướng mắc, có thể tập theo mà không đáng mê lầm, nhờ những thí dụ rộng lớn để ngăn ngừa sự che đậy trời buộc. Người nghe đạo có thể cúi đầu lắng lẽ mà ngộ!

Các vị Đại Tỳ-kheo nghe Phật nói rồi vui mừng vâng làm.
Kinh Phật thuyết tứ thập nhị chương.

THƠ ĐỀ ĐÀI THIÊU KINH

Hoàng đế Thái Tông, đời Đường soạn.

*Con đường dài xanh xanh rêu phủ
Mỗi lần lên đây đều bồi hồi
Trâu non tản mạn hàm quan
Ngựa trắng thân từ Ấn Độ đến
Xác định phải trái nhờ lửa nóng
Cốt phân chân, giả dựng đài cao
gió xuân cũng hiểu hiềm bừa bãi
Thối sạch năm nay tro Đạo giáo.*

Đài này ở Lạc Dương, đài là đàn, nghiên cứu đàn này là nơi đốt

kinh và luận, là do vua Minh Đế thời Hậu Hán xây dựng. Nguyên kinh bốn mươi hai chương đây đều có nguyên nhân, chính là vào niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ bảy, ban đêm vua nằm mộng thấy một người thân màu vàng, phía sau cổ có vầng ánh sáng tròn, bay trên không đến trước điện. Sáng hôm sau đem hỏi các quan, có nhà thông thái tên Phó Nghị đoán mộng, tâu rằng: Thần nghe ở Tây Vực có bậc đắc đạo được gọi là Phật. Kinh nói vị ấy có khả năng bay đi, đủ sáu thần thông.

Nay ứng mộng này, vua cảm ngộ rất vui mừng, liền sai mười hai vị như Vũ Lâm Lang, Thái Ngộ, tiến sĩ Tần Cảnh Vương Tuân... hướng về Thông Lĩnh mà đi đến hướng Tây, thỉnh cầu Phật pháp. Đi nửa đường, gặp nước Nguyệt Thị, mọi người run sợ, được chiêm ngưỡng tướng lạ đầu tròn, áo vuông của hai vị phạm Tăng là ngài Ca-diếp Ma-đăng và Trúc-pháp-lan cỡi ngựa trắng cầm bức tranh Phật Thích-ca vẽ trên lụa trắng và một quyển kinh bốn mươi hai chương về triều, lúc đó là niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười, vua vui mừng đích thân đón rước, bảo vẽ bức tranh bằng giấy màu của danh tướng Đức Thích-ca ở đài Thanh lương. Từ đó lập chùa Bạch Mã, thỉnh hai vị tôn giả này ở lại viện, nói pháp cho vua nghe đến mùa Đông, gặp năm các đạo sĩ ngũ nhạc chúc mừng, đạo sĩ chữ Thiện tín, Phí thúc tài... cùng sáu trăm chín người nói với nhau rằng: Vua bỏ đạo ta dạy, xa cầu Hồ giáo, bèn tự dẫn chúng, mỗi người mang kinh đạo mình thọ trì đến cùng nhau dâng biểu, xin Phật tử thí với giáo nước Hồ để rõ chân nguy, vua liền ban sắc cho quan thượng thư lệnh Tổng Trưởng, dẫn vào trước cung Trường Lạc, tuyên bố rằng các đạo sĩ và chư Tăng đến ngày Nguyên tiêu cùng nhóm họp tại chùa Bạch Mã, ngoài cửa phía Nam lập hai đàn, đến kỳ tử thí, Tây đàn đốt hơn sáu trăm quyển kinh, chốc lát cháy hết, chỉ lấy được Lão Tử đạo Đức kinh một quyển là chân thật. Ngoài ra là Đỗ Quang Đình soạn, nay nói là Đỗ soạn. Vua nhìn đàn phía Đông tượng Phật và kinh Tứ Thập Nhị chương không thể cháy được, chỉ thấy ánh sáng năm màu, trời rơi hoa báu, nhạc trời tự vang, khen chưa từng có, vua và các quan vui vẻ, quan thái phó Trương Diễn nói với các đạo sĩ rằng: đã tử thí nhưng không có hiệu nghiệm, thấy rõ Phật pháp là chánh, các đạo sĩ như chữ phí... rất hổ thẹn đều do bực tức mà tự chết, ngoài ra có sáu trăm hai mươi vị như Lữ Tuệ Thông... đều bỏ áo mũ xuất gia theo Phật. Do đây Phật giáo được truyền bá, châu huyện lập chùa kính tăng, bắc đầu từ kinh bốn mươi hai chương. Từ đó người đời sau tiếp tục lấy hơn năm ngàn quyển, đến nay lợi ích rõ ràng ở thế gian, các loài hàm thức trong ba cõi, được nhờ ân kéo dài mãi không dứt.